FireAnt

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

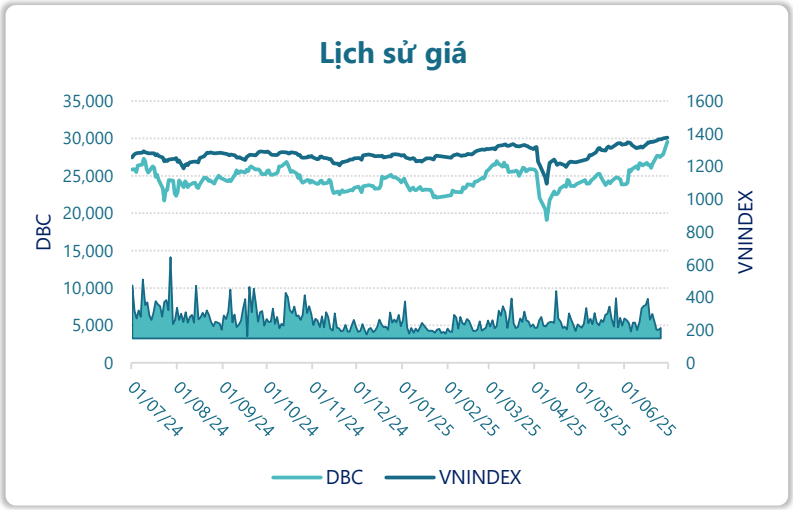

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**34,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,565
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,087
SL cổ phiếu LH	334,669,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,214,780
% sở hữu nước ngoài	4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,379
P/E	7.3
EPS	4,680

DT thuần

Q2/25

3,820

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 211| 5.8%

YoY: ▲ 635| 19.9%

LN sau thuế

Q2/25

507

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| -0.2%

YoY: ▲ 362| 250%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.8%

+/- YoY: ▲ 8.4%

DT thuần

6T 2025

7,429

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 992| 15.4%

LN sau thuế

6T 2025

1,015

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 797| 366%

ROE

Q2/25

25.1%

+/- YoY: ▲ 20.2%

Kết quả kinh doanh

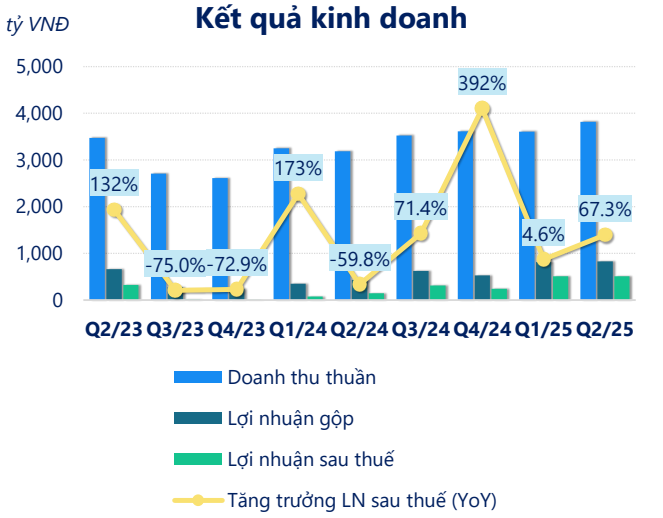

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

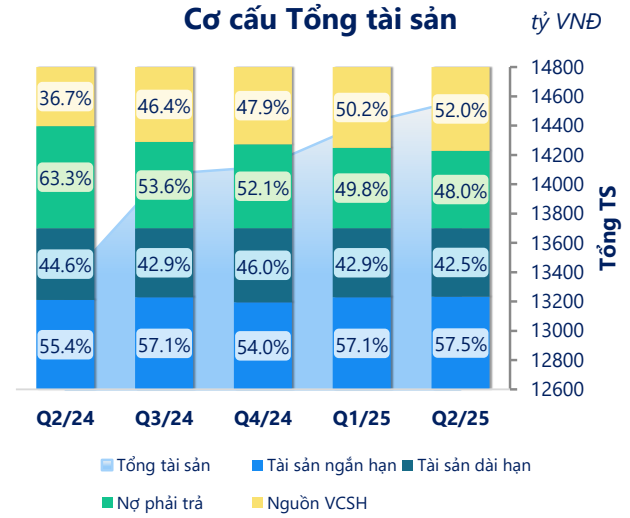

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

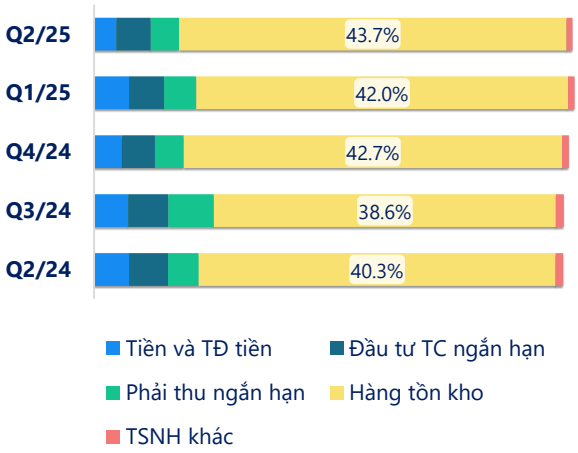

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

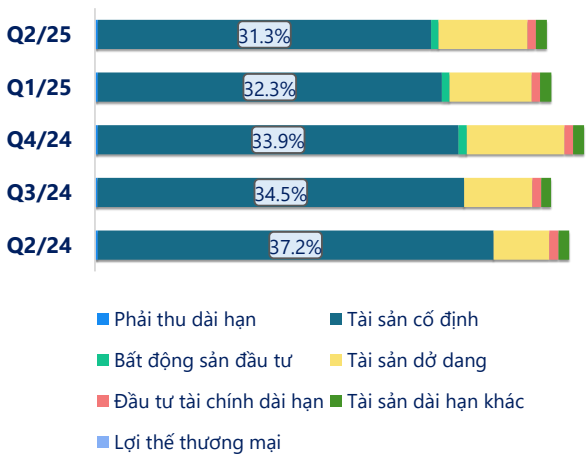

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

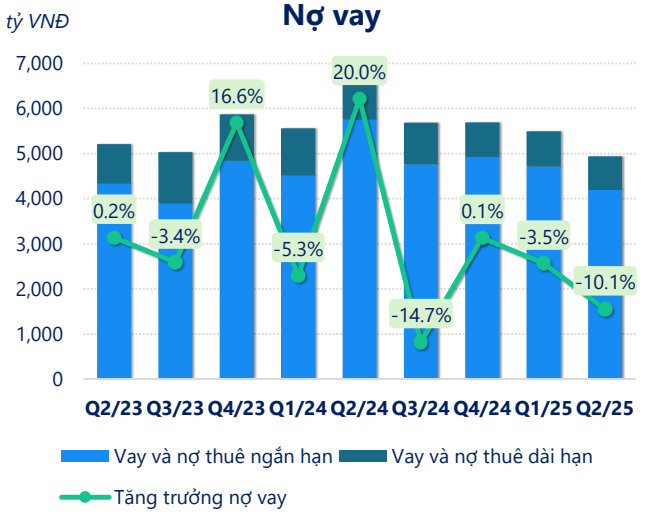

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

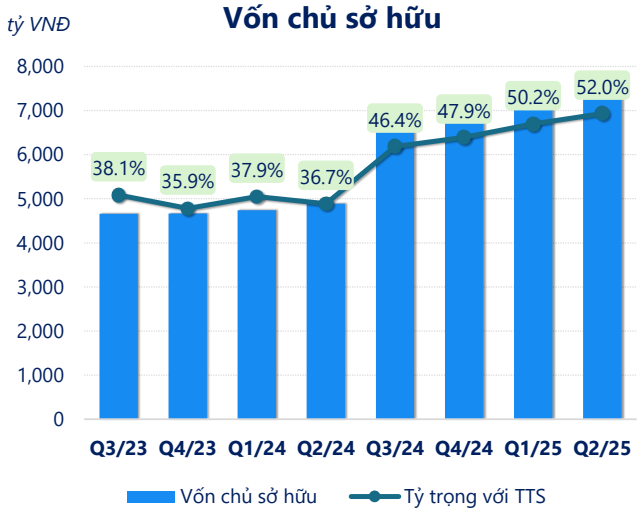

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

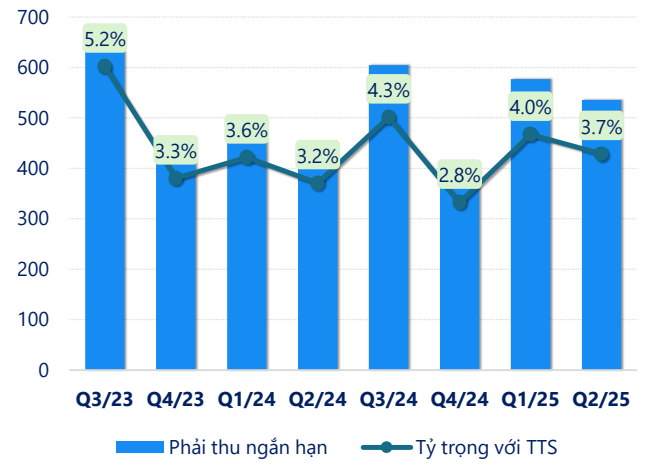

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

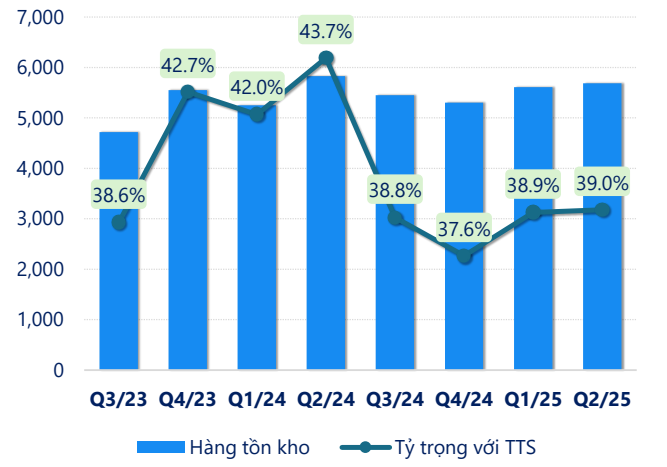

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

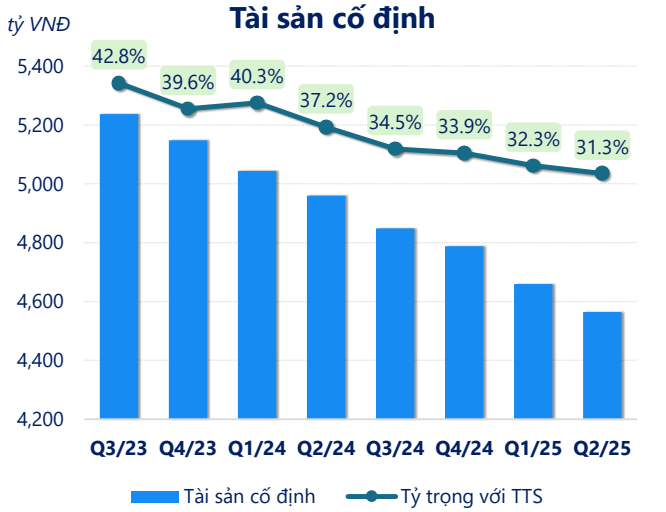

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

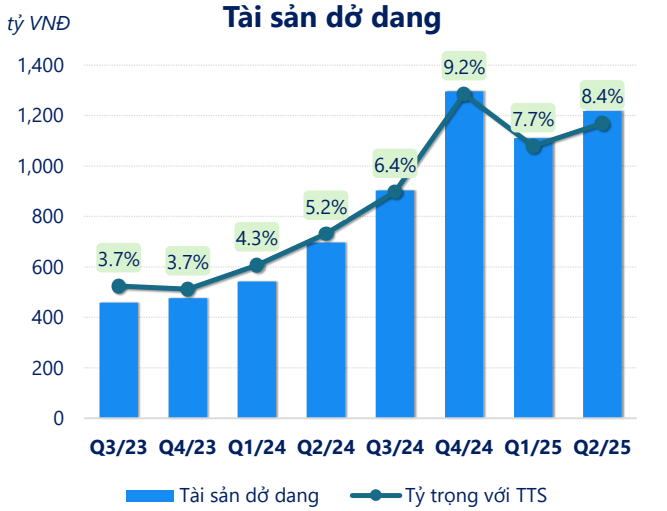

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

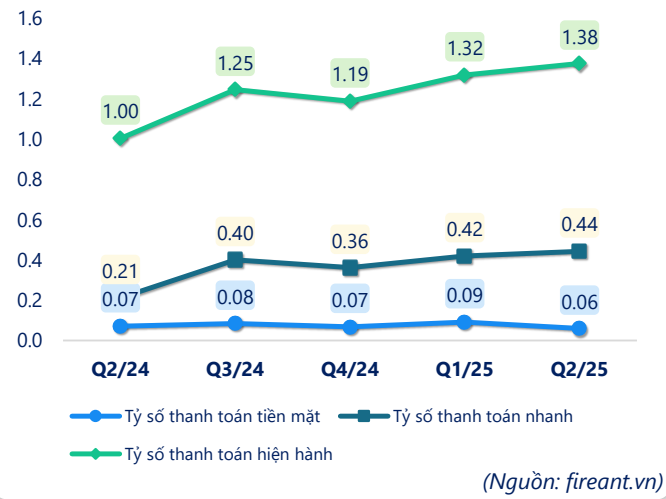

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

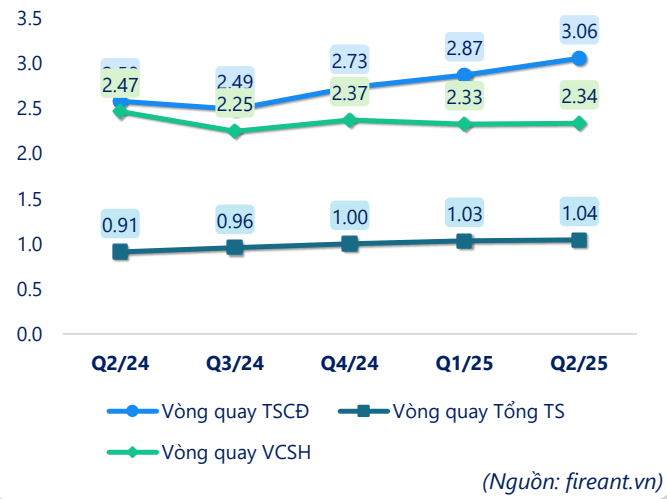

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**13,326**	**14,070**	**14,118**	**14,411**	**14,574**
Tài sản ngắn hạn	**7,385**	**8,036**	**7,624**	**8,227**	**8,381**
Tiền và tương đương tiền	524	541	439	570	364
Đầu tư tài chính ngắn hạn	521	1,343	1,371	1,380	1,681
Phải thu ngắn hạn	424	605	402	577	536
Hàng tồn kho	5,827	5,453	5,303	5,608	5,684
Tài sản ngắn hạn khác	88.9	94.2	109	92.3	116
Tài sản dài hạn	**5,941**	**6,034**	**6,494**	**6,184**	**6,194**
Phải thu dài hạn	34.4	34.4	38.8	38.8	40.2
Tài sản cố định	4,960	4,849	4,787	4,660	4,565
Bất động sản đầu tư	0	0	109	107	106
Tài sản dở dang	697	903	1,296	1,111	1,218
Đầu tư tài chính dài hạn	117	117	116	116	114
Tài sản dài hạn khác	133	131	146	151	152
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**8,441**	**7,543**	**7,352**	**7,177**	**6,997**
Nợ ngắn hạn	**7,354**	**6,449**	**6,417**	**6,240**	**6,089**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,749	4,759	4,928	4,711	4,193
Phải trả người bán ngắn hạn	765	766	763	837	947
Nợ dài hạn	1,087	1,093	935	936	908
Vay và nợ thuê dài hạn	918	926	764	781	747
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,885**	**6,527**	**6,766**	**7,234**	**7,578**
Vốn chủ sở hữu	**4,885**	**6,527**	**6,766**	**7,234**	**7,578**
Vốn điều lệ	2,420	3,347	3,347	3,347	3,347
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)